TUẦN 3

Bài 30: Vài trò và nhiệm vụ phát triên chăn nuôi

I. Vai trò của chăn nuôi

    a) Cung cấp thực phẩm.

    b) Cung cấp sức kéo.

    c) Cung cấp phân bón cho ngành nông nghiệp

    d) Cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất khác.

### II. Nhiệm vụ của ngành chăn nuôi ở nước ta

    Phát triển chăn nuôi toàn diện: đa dạng về vật nuôi và quy mô chăn nuôi.

    Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất.

    Tăng cường đầu từ cho nghiên cứu và quản lí.

## **Bài 31: Giống vật nuôi**

### I. Khái niệm về giống vật nuôi

**1. Thế nào là giống vật nuôi?**

    Giống vật nuôi là sản phẩm do con người tạo ra. Mỗi giống vật nuôi đều có đặc điểm ngoại hình giống nhau, có năng suât và chất lượng sản phẩm như nhau, có tính di truyền ổn định.

**2. Phân loại giống vật nuôi**

    a) Theo địa lí

    b) Theo hình thái, ngoại hình (màu sắc, lông, da, …)

    c) Theo mức độ hoàn thiện giống:

    d) Theo hướng sản xuất:

**3. Điều kiện để được công nhận là một giống vật nuôi**

### II. Vai trò của giống trong chăn nuôi

**1. Giống vật nuôi có vai trò quyết định đến năng suất chăn nuôi**

   **2. Giống vật nuôi có vai trò quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi**

TUẦN 4

**Bài 32: Sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi**

### I. Khái niệm về sự sinh trưởng và sự phát dục của vật nuôi

    Trứng thụ tinh tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành cá thể non, lớn lên rồi già. Cả quá trình này gọi là sự phát triển của vật nuôi. Sự phát triển của vật nuôi luôn có sự sinh trưởng và sự phát dục xen kẽ nhau.

**1. Sự sinh trưởng là** sự tăng lên về khối lượng, kích thước các bộ phận cơ thể.

**2. Sự phát dục là sự** thay đổi về thể chất của các bộ phận trong cơ thể.

### II. Đặc điểm sự sinh trưởng và phát dục ở vật nuôi

### III. Các yếu tố tác động của con người đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi

    Đặc điểm di truyền của vật nuôi.

    Các điều kiện ngoại cảnh có ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.

## Bài 33: Một số phương pháp chọn lọc và quản lý giống vật nuôi

### I. Khái niệm về chọn giống vật nuôi

    Chọn giống vật nuôi: Chọn những vật nuôi đực và cái tốt giữ lại làm giống.

    Ví dụ: Để có giống gà ri ngày càng tốt hơn người ta giữ lại làm giống những con gà trống và gà mái chóng lớn, đẻ nhiều trứng, ấp trứng và nuôi con khéo.

### II. Một số phương pháp chọn giống vật nuôi

**1. Chọn lọc hàng loạt:** dựa vào các tiêu chuẩn đã định trước rồi căn cứ vào sức sản xuất (cân nặng, sản lượng trứng, sữa, …) của từng vật nuôi để chọn ra những cá thể tốt nhất làm giống.

**2. Kiểm tra năng suất:** các vật nuôi tham gia chọn lọc (thường là con của những vật nuôi giống tốt) được nuôi dưỡng trong cùng một điều kiện chuẩn, cùng một thời gian rồi dựa vào kết quả đạt được đem so sánh với những tiêu chuẩn đã dự định trước để lựa chọn những con tốt nhất làm giống.

 Phương pháp chọn lọc giống vật nuôi đang được dùng phổ biến ở nước ta là kiểm tra năng suất. Vì phương pháp này có trình độ chính xác cao.

### III. Quản lý giống vật nuôi

TUẦN 5

**Bài 34: Nhân giống vật nuôi**

### I. Chọn phối

**1. Thế nào là chọn phối?**

**2. Các phương pháp chọn phối**

### II. Nhân giống thuần chủng

**1. Nhân giống thuần chủng là gì?**

    Là phương pháp nhân giống chọn ghép theo đôi giao phối con đực với con cái của cùng một giống để được đời con cùng giống với bố mẹ. Mục đích của nhân giống thuần chủng là tạo ra nhiều cá thể của giống đã có, với yêu cầu là giữ được và hoàn thiện các đặc tính tốt của giống đó.

**2. Làm thế nào để nhân giống thuần chủng đạt kết quả?**

    Phải có mục đích nhân giống rõ ràng.

    Chọn nhiều cá thể đực, cái trong giống cùng tham gia.

    Nuôi dưỡng, chăm sóc tốt đàn vật nuôi, kịp thời phát hiện và loại thải những vật nuôi con và vật nuôi mẹ có những đặc điểm không mong muốn.

**Bài 35 +36 Thực hành: Nhận biết một số giống gà và lợn qua quan sát ngoại hình.**

### I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết

    - Ảnh hoặc tranh vẽ, mô hình, vật nhồi hoặc vật nuôi thật các giống gà Ri, gà Lơ go, gà Đông Cảo, gà Hồ,lợn Ỉ, lợn Móng Cái, ….

    - Thước dây.

    - Thước đo.

### II. Quy trình thực hành

1. Quan sát giống gà

Bước 1: Nhận xét ngoại hình

Hình dáng toàn thân:

    Loại hình sản xuất trứng: thể hình dài.

    Loại hình sản xuất thịt: thể hình ngắn.

Màu sắc lông, da:

    Ví dụ: Gà Ri da vàng hoặc vàng trắng, lông: pha tạp từ nâu, vàng nâu.

    Các đặc điểm nổi bật: mào, tích, tai, chân, …

1. Quan sát giống lợn

Bước 1: Quan sát đặc điểm ngoại hình.

- Hình dạng chung: Hình dáng.

    Đặc điểm: mõm, đầu, lưng, chân, …

- Màu sắc lông, da: chú ý một số đặc điểm.

    Lợn Đại Bạch: lông cứng, da trắng.

    Lợn Lan-đơ-rát: lông, da trắng tuyền.

    Lợn Ỉ: toàn thân đen.

    Lợn Móng Cái: lông đen và trắng.

TUẦN 6

Tiết 1. Tiết HĐTN – Tìm hiểu 1 số giống vịt và giống bò hoặc một loại vật nuôi khác.

**Tiết 2. Bài 37: Thức ăn vật nuôi**

### I. Nguồn gốc thức ăn vật nuôi

**1. Thức ăn vật nuôi**

    - Một số loại thức ăn của các vật nuôi sau:

    Lợn ăn các loại thức ăn thực vật và động vật (ăn tạp).

    Trâu, bò ăn các loại thức ăn thực vật.

    Gà, vịt ăn các loại thức ăn hạt ngô, thóc.

- Như vậy vật nuôi chỉ ăn được những loại thức ăn phù hợp với đặc điểm sinh lí và tiêu hoá của chúng.

**2. Nguồn gốc thức ăn vật nuôi**

    Nguồn gốc từ thực vật: cám gạo, ngô vàng, bột sắn, khô dầu đậu tương.

    Nguồn gốc từ động vật: bột cá.

    Nguồn gốc khoáng: premic khoáng.

### II. Thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi

    - Nguồn gốc thực vật gồm các loại thức ăn: được chế biến từ thực vật thiên nhiên: rau muống, khoai lang củ, rơm lúa, ngô (bắp).

    - Nguồn gốc động vật gồm các loại thức ăn: bột cá, bột tôm, bột thịt, …

    - Nguồn gốc khoáng, vitamin có trong các loại thức ăn: dưới dạng muối không độc chứa canxi, photpho, natri, …

    - Thức ăn của vật nuôi có những thành phần dinh dưỡng: nước, protein, lipit, gluxit, khoáng, vitamin, … Loại thức ăn khác nhau thì có thành phần dinh dưỡng khác nhau.